HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-

BPC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách làm việc trong hệ thống chính trị trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách được cử đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, an ninh quốc phòng và kiến thức, kỹ năng khác theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức do thành phố Đồng Nai tổ chức.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ tiêu chuẩn ngạch, chức danh, chức vụ, vị trí việc làm và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của thành phố, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức; đề cao ý thức tự học và thực hiện phân công, phân cấp đối với công tác bồi dưỡng theo vị trí việc làm.

2. Không cử đi đào tạo, bồi dưỡng 02 lớp cùng một thời điểm; không được hưởng chính sách hỗ trợ nếu không tốt nghiệp hoặc kéo dài thời gian đào tạo, bồi dưỡng (trừ trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, ốm đau phải chữa bệnh dài ngày hoặc thực hiện kéo dài thời gian đào tạo theo chương trình, kế hoạch của cơ sở đào tạo).

3. Trường hợp đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 4. Điều kiện được hưởng mức chi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng; cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý đi đào tạo do Thường trực Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định (hoặc được cấp có thẩm quyền theo phân cấp) cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách được Trưởng ban Ban Tổ chức Thành ủy, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước, cập nhật kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 5. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước, sau khi tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình đúng thời hạn, ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có), còn được hỗ trợ các khoản như sau:

a) Hỗ trợ tiền ăn: Đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung từ 01 tháng trở lên, mức hỗ trợ 02 triệu đồng/người/tháng; đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng có thời gian học dưới 01 tháng, mức hỗ trợ 100 nghìn đồng/người/ngày (tính theo số ngày học thực tế);

b) Hỗ trợ tiền ở (áp dụng đối với trường hợp chưa được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng bố trí nơi ở): Đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung tại các thành phố trực thuộc Trung ương, mức hỗ trợ 03 triệu đồng/người/tháng; đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung tại các tỉnh còn lại, mức hỗ trợ 02 triệu đồng/người/tháng;

Đối với lớp bồi dưỡng có thời gian dưới 01 tháng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

c) Hỗ trợ tiền đi lại:

- Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng từ thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc được hỗ trợ 05 triệu đồng/người/khóa học; đối với các tỉnh, thành phố còn lại thanh toán theo thực tế giá vé hoặc hợp đồng dịch vụ nhưng tối đa không quá 3,5 triệu đồng/người/khóa học.

- Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn thành phố Đồng Nai được hỗ trợ tiền đi lại theo hóa đơn thực tế hoặc khoán kinh phí nhưng tối đa không quá 150 nghìn đồng/người/ngày áp dụng với các lớp dưới 01 tháng. Trường hợp đào tạo, bồi dưỡng từ 01 tháng trở lên được hỗ trợ tối đa không quá 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

d) Hỗ trợ tiền đi thực tế đối với lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị:

- Đối với lớp trung cấp lý luận chính trị: 04 triệu đồng/người/khóa học;

- Đối với lớp cao cấp lý luận chính trị: 06 triệu đồng/người/khóa học.

đ) Đối với tiền học phí, tiền mua tài liệu, chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho cơ sở đào tạo (nếu có): Thực hiện theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết. Kinh phí này do ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu sự nghiệp của đơn vị chi trả theo quy định của pháp luật hiện hành và không tính vào các mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách tại các khoản nêu trên.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có), còn được hỗ trợ tiền vé máy bay, tiền mua tài liệu, tiền ăn, tiền ở, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, thị thực (visa)), chi tiền điện thoại, sinh hoạt phí và các khoản hỗ trợ khác (nếu có), cụ thể như sau:

a) Trường hợp đào tạo, bồi dưỡng dưới 10 ngày được hỗ trợ trọn gói: 10 triệu đồng/người/khóa học đối với các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, 15 triệu đồng/người/khóa học đối với các nước còn lại;

b) Trường hợp đào tạo, bồi dưỡng từ 10 ngày trở lên được hỗ trợ trọn gói: 20 triệu đồng/người/khóa học đối với các nước Đông Nam Á, 30 triệu đồng/người/khóa học đối với các nước còn lại.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo Chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã bao gồm các khoản kinh phí về tiền vé máy bay, tiền mua tài liệu, tiền ăn, tiền ở, lệ phí sân bay, chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, thị thực (visa)), chi tiền điện thoại, sinh hoạt phí theo các Chương trình, đề án, dự án đó thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại khoản này.

3. Chính sách hỗ trợ bổ sung: Ngoài các khoản hỗ trợ tại khoản 1 Điều này trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách được cử đi đào tạo, bồi dưỡng học tập trung từ 01 tháng trở lên:

a) Hỗ trợ 01 triệu đồng/người/tháng đối với:

- Nữ người đồng bào dân tộc thiểu số;

- Nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

b) Hỗ trợ 1,5 triệu đồng/người/tháng đối với trường hợp nữ đồng bào dân tộc thiểu số nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Hỗ trợ 500 nghìn đồng/người/tháng đối với:

- Nữ không là người đồng bào dân tộc thiểu số;

- Nam người đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 6. Các nội dung, mức chi bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng thực hiện

1. Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn thảo giáo án bài giảng; một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

a) Giảng viên, báo cáo viên là Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; Giáo sư: 04 triệu đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Tiến sĩ khoa học; Giảng viên giữ ngạch giảng viên cao cấp: 3,5 triệu đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên Trung ương tại thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các chức danh tương đương; Tiến sĩ: 03 triệu đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó (giữ ngạch Chuyên viên cao cấp) các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị xã hội của thành phố và tương đương: 2,5 triệu đồng/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị xã hội của thành phố và tương đương; Bí thư cấp ủy cấp xã và tương đương; Giảng viên giữ ngạch giảng viên chính: 02 triệu đồng/người/buổi.

e) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Bí thư cấp ủy cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở, ngành và tương đương; Giảng viên giữ ngạch giảng viên: 1,5 triệu đồng/người/buổi.

g) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị ở cấp thành phố; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp xã: 01 triệu đồng/người/buổi.

h) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức tại cấp xã (ngoài các chức danh nêu trên): 700 nghìn đồng/người/buổi.

i) Trợ giảng (nếu có) đối với giảng viên, báo cáo viên là Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức danh tương đương: 01 triệu đồng/người/buổi.

k) Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi cao nhất.

2. Phụ cấp tiền ăn, chi thanh toán phương tiện đi lại và thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND.

3. Chi nước uống phục vụ lớp học: 30 nghìn đồng/người/ngày.

4. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc:

a) Loại giỏi: 300 nghìn đồng/học viên/khóa học;

b) Loại xuất sắc: 400 nghìn đồng/học viên/khóa học.

5. Đối với giảng viên cơ hữu làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ, không trả thù lao giảng viên theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị quyết này. Trường hợp được mời tham gia giảng dạy, báo cáo tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoài nhiệm vụ thường xuyên được phân công do các đơn vị khác tổ chức thì vẫn được hưởng chế độ thù lao giảng viên, báo cáo viên theo quy định tại Nghị quyết này.

6. Các nội dung và mức chi liên quan không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hàng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập và mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Kinh phí bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo các chương trình/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các chương trình/đề án/dự án đó.

5. Quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, lập dự toán kinh phí theo quy định tại Nghị quyết này gửi cơ quan tài chính thẩm định, làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán theo quy định.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cử đi đào tạo sau đại học theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bình Phước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND thì tiếp tục thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định tại các Nghị quyết trên đến khi hoàn thành.

3. Đối với các nội dung chưa được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

c) Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai Khóa I, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố, Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Tôn Ngọc Hạnh